

Số: 2746/TCGDNN-VP
V/v đẩy mạnh sử dụng các phần mềm
và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt
động giáo dục nghề nghiệp

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 23/8/2022 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 3247/LĐT BXH-TCGDNN gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã có nhiều văn bản⁽¹⁾ đôn đốc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cập nhật dữ liệu vào các phần mềm của Tổng cục và đề nghị các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, rà soát thông tin cơ sở dữ liệu của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

Tuy nhiên, đến nay vẫn có tình trạng nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa triển khai cập nhật dữ liệu hoặc cập nhật dữ liệu chưa đầy đủ, đặc biệt đối với việc thay đổi thông tin đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, thông tin tuyển sinh, thông tin về nhà giáo, cán bộ quản lý trong các cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp. Các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chưa quyết liệt chỉ đạo việc cập nhật dữ liệu của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn; chưa tập trung rà soát thông tin dữ liệu, báo cáo Tổng cục theo các nội dung yêu cầu tại các văn bản nêu trên của Tổng cục.

Để sớm hoàn thiện cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành, cung cấp thông tin tuyển sinh, văn bằng cho người học, phụ huynh, doanh nghiệp... Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đề nghị các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai một số nội dung:

1. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và triển khai các nhiệm vụ tại Công văn số 3247/LĐT BXH-TCGDNN và các văn bản chỉ đạo của Tổng cục.

⁽¹⁾ - Công văn số 2935/TCGDNN-VP ngày 21/12/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc cập nhật, khai thác dữ liệu phần mềm cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 204/TCGDNN-VP ngày 14/02/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác phần mềm dịch vụ công trực tuyến và phần mềm cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 654/TCGDNN-VP ngày 13/4/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc tiếp tục thực hiện cập nhật, khai thác dữ liệu phần mềm cơ sở dữ liệu GDNN, trang văn bằng và ứng dụng chọn nghề;

2. Sử dụng phần mềm kết nối, chia sẻ dữ liệu tại địa chỉ: csdl.gdn.gov.vn để tổng hợp, thống kê số liệu, báo cáo theo quy định về chế độ báo cáo thống kê và báo cáo khác.

3. Phổ biến tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn. Tải tài liệu tại địa chỉ: bit.ly/3gQwNji

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ cán bộ đầu mối của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Ông Phạm Ngọc Vinh (Số điện thoại: 0986.080.311; Email: tk.gdnn@molisa.gov.vn) để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Trân trọng cảm ơn./ *nlq*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng;
- Các Vụ, đơn vị thuộc TC (phối hợp chi đạo);
- Các cơ sở GDNN (để thực hiện);
- Lưu: VT, TT-TT.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Phạm Vũ Quốc Bình

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH CẬP NHẬT DỮ LIỆU GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Công văn số 2746/TCGDNN-VP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

STT	Tỉnh/Đơn vị	Số trường CĐ đã nhập liệu	Trường CĐ đã hoàn thành cập nhật thông tin chung	Số trường TC đã nhập liệu	Trường TC đã hoàn thành cập nhật thông tin chung	Kế hoạch tuyển sinh năm	Kế hoạch tuyển sinh trường TXĐ	Học sinh, sinh viên trúng tuyển năm
1	Thành phố Cần Thơ	1	1	1	1	2525	2395	199
2	Thành phố Đà Nẵng	2	1	0	0	2710	2710	0
3	Thành phố Hà Nội	16	15	10	8	15630	9355	502
4	Thành phố Hải Phòng	5	5	2	2	6181	5088	66
5	Thành phố Hồ Chí Minh	8	8	3	3	12835	11785	817
6	Tỉnh An Giang	1	1	2	2	3725	2495	0
7	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4	4	0	0	3150	3240	0
8	Tỉnh Bắc Giang	0	0	0	0	0	0	0
9	Tỉnh Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0
10	Tỉnh Bạc Liêu	1	1	0	0	685	685	0
11	Tỉnh Bắc Ninh	6	6	2	2	2229	2348	313
12	Tỉnh Bến Tre	2	2	1	1	2305	1785	950
13	Tỉnh Bình Dương	1	1	0	0	0	0	0
14	Tỉnh Bình Định	3	1	0	0	730	730	1
15	Tỉnh Bình Phước	0	0	0	0	0	0	0
16	Tỉnh Bình Thuận	3	3	1	1	2279	1065	640
17	Tỉnh Cà Mau	3	3	0	0	500	650	0
18	Tỉnh Cao Bằng	1	1	1	1	340	220	6
19	Tỉnh Đắk Lắk	0	0	0	0	0	0	0
20	Tỉnh Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	0
21	Tỉnh Điện Biên	1	1	0	0	1255	435	0
22	Tỉnh Đồng Nai	2	2	0	0	0	0	0
23	Tỉnh Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0	0
24	Tỉnh Gia Lai	1	1	0	0	0	0	0
25	Tỉnh Hà Giang	1	1	0	0	2030	1350	521
26	Tỉnh Hà Nam	2	2	1	0	1780	720	1
27	Tỉnh Hà Tĩnh	3	3	0	0	4275	4445	115
28	Tỉnh Hải Dương	4	4	0	0	1725	770	16

29	Tỉnh Hậu Giang	2	2	0	0	875	730	0
30	Tỉnh Hoà Bình	4	4	4	3	2805	2185	267
31	Tỉnh Hưng Yên	1	1	0	0	26000	760	2
32	Tỉnh Khánh Hòa	2	2	6	4	3301	4338	15
33	Tỉnh Kiên Giang	2	2	1	1	3120	2460	826
34	Tỉnh Kon Tum	1	1	0	0	2905	2905	23
35	Tỉnh Lai Châu	0	0	0	0	0	0	0
36	Tỉnh Lâm Đồng	0	0	1	1	50	50	0
37	Tỉnh Lạng Sơn	2	2	0	0	560	560	384
38	Tỉnh Lào Cai	1	1	1	1	5110	4575	2
39	Tỉnh Long An	3	3	4	4	11585	7610	28
40	Tỉnh Nam Định	3	3	1	1	9430	9265	2
41	Tỉnh Nghệ An	6	5	4	3	10830	8880	854
42	Tỉnh Ninh Bình	2	1	1	1	5395	3712	756
43	Tỉnh Ninh Thuận	0	0	1	1	0	0	0
44	Tỉnh Phú Thọ	4	3	2	2	1360	1360	456
45	Tỉnh Phú Yên	1	1	1	0	2539	2534	724
46	Tỉnh Quảng Bình	2	2	0	0	4660	3345	528
47	Tỉnh Quảng Nam	3	3	0	0	4720	3387	2
48	Tỉnh Quảng Ngãi	0	0	0	0	0	0	0
49	Tỉnh Quảng Ninh	3	3	0	0	3010	1745	347
50	Tỉnh Quảng Trị	2	2	0	0	2350	2350	66
51	Tỉnh Sóc Trăng	2	2	0	0	1505	1590	20
52	Tỉnh Sơn La	2	2	1	1	2670	1705	712
53	Tỉnh Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0
54	Tỉnh Thái Bình	0	0	0	0	0	0	0
55	Tỉnh Thái Nguyên	5	5	1	0	3295	2860	0
56	Tỉnh Thanh Hóa	4	4	2	2	5785	4749	534
57	Tỉnh Thừa Thiên Huế	2	2	1	1	375	205	0
58	Tỉnh Tiền Giang	2	2	3	3	3510	2275	504
59	Tỉnh Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	0
60	Tỉnh Tuyên Quang	1	0	0	0	0	0	0
61	Tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0
62	Tỉnh Vĩnh Phúc	7	5	2	0	1305	1305	1
63	Tỉnh Yên Bái	4	4	3	3	1925	1244	190